

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *3422*/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày *25* tháng 12 năm 2017

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng không khí  
trên địa bàn tỉnh Yên Bái đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;  
Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Quyết định số 985<sup>a</sup>/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý chất lượng không khí đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 703/TTr-STNMT ngày 04 tháng 12 năm 2017,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch quản lý chất lượng không khí trên địa bàn tỉnh Yên Bái đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Yên Bái và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh;
- Chánh, Phó VP (đ/c Yên) UBND tỉnh;
- Trung tâm Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Khánh

**KẾ HOẠCH**  
**QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH YÊN BÁI**  
**ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3422/QĐ-UBND  
ngày 25 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Yên Bái)*

Thực hiện Quyết định số 985a/QĐ-TTg ngày 01/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý chất lượng không khí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng không khí trên địa bàn tỉnh Yên Bái đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 như sau:

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung:**

- Cụ thể hóa các nội dung trong việc thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý chất lượng không khí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ;
- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, ngành, các tổ chức, cá nhân về quản lý chất lượng không khí;
- Tăng cường năng lực về kiểm soát khí nhà kính, góp phần thực hiện cam kết quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính của Việt Nam;
- Nâng cao trách nhiệm của các chủ nguồn phát thải và các cơ quan quản lý nhà nước đối với sự giám sát của nhân dân về bảo vệ môi trường không khí;
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng không khí xung quanh các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Yên Bái; giám sát thường xuyên các thông số theo Quy chuẩn kỹ thuật môi trường và thông số VOCs, HC;
- Tăng cường công tác quản lý chất lượng không khí thông qua kiểm soát nguồn phát sinh khí thải và giám sát chất lượng không khí xung quanh nhằm cải thiện chất lượng môi trường không khí và bảo đảm sức khỏe cộng đồng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững.

**2. Mục tiêu cụ thể:**

- Tập trung chỉ đạo, phát huy cao vai trò, trách nhiệm và tăng cường sự phối hợp của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân nhằm triển khai thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Kế hoạch hành

động quốc gia về quản lý chất lượng không khí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

- Thực hiện các nội dung của Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý chất lượng không khí phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch bảo vệ môi trường của tỉnh.

- Kiểm soát tốt các nguồn khí thải, tập trung vào nguồn khí thải công nghiệp, năng lượng lớn (tại Phụ lục của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu) và giao thông, đến năm 2020 đảm bảo:

+ 80% các cơ sở sản xuất xi măng, thép và cơ sở xử lý rác thải bằng phương pháp đốt xử lý bụi và các khí thải  $SO_2$ ,  $NO_x$ , CO đạt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường;

+ 90% cơ sở sản xuất xi măng và cơ sở sản xuất sản đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải, nước thải tự động liên tục với các thông số theo Quy chuẩn kỹ thuật môi trường;

+ Triển khai các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi  $PM_{10}$  và  $PM_{2.5}$  tại các nguồn thải chính (tập trung vào nguồn công nghiệp, năng lượng, giao thông và xây dựng);

+ Hoàn thành thực hiện Quyết định số 909/QĐ-TTg ngày 17/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Kiểm soát khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông tại các tỉnh, thành phố”; Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô, xe mô tô 2 bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới; đề xuất lộ trình thắt chặt mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe cơ giới đang lưu hành, xe cơ giới nhập khẩu qua sử dụng.

## **II. NỘI DUNG**

### **1. Phòng ngừa, giảm thiểu nguồn phát thải khí thải:**

- Tập trung kiểm soát bụi trong quá trình thi công, vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải tại các công trường xây dựng;

- Tăng cường công tác kiểm soát ô nhiễm không khí do các nguồn khí thải tại khu vực nông thôn, ưu tiên kiểm soát khí thải phát sinh từ các khu vực xử lý chất thải rắn nông thôn, cụm công nghiệp,...;

- Thực hiện việc kiểm kê khí thải công nghiệp (bao gồm cả việc kiểm kê bụi  $PM_{10}$  và  $PM_{2.5}$ ); yêu cầu các cơ sở có nguồn phát sinh khí thải lớn theo danh mục tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về Quản lý chất thải và phế liệu lắp đặt và vận hành thiết bị quan trắc

khí thải tự động, liên tục để truyền tải dữ liệu về khí thải từ cơ sở sản xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Yêu cầu các đơn vị sản xuất kinh doanh đổi mới công nghệ sản xuất; đầu tư xây dựng, lắp đặt và vận hành các công trình xử lý khí thải đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường;

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án “phát triển nhiên liệu sinh học đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 177/2007/QĐ-TTg ngày 20/11/2007; tiếp tục triển khai các quy định của Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô, xe mô tô 2 bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới; đề xuất lộ trình thắt chặt mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe cơ giới đang lưu hành, xe cơ giới nhập khẩu qua sử dụng;

- Từng bước thực hiện Đề án “Kiểm soát khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông tại các tỉnh, thành phố” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 909/QĐ-TTg ngày 17/6/2010, chú trọng kiểm soát khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông.

## **2. Hoàn thiện cơ chế tài chính, đa dạng hóa nguồn lực cho lĩnh vực quản lý chất lượng không khí:**

- Tăng cường nguồn ngân sách cho cơ quan quản lý nhà nước về các hoạt động đầu tư trang thiết bị quan trắc, thiết bị vận hành cơ sở dữ liệu, quản lý dữ liệu về khí thải;

- Ưu tiên nguồn vốn để đầu tư lắp đặt các trạm quan trắc tự động liên tục tại các đô thị;

- Huy động các nguồn lực đầu tư ngoài vốn ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác cho việc quản lý chất lượng không khí.

## **3. Nghiên cứu khoa học, công nghệ về quản lý chất lượng không khí:**

- Tăng cường nghiên cứu, học tập, trao đổi kinh nghiệm với các địa phương trên địa bàn cả nước về xây dựng, ban hành các quy định pháp luật và tổ chức quản lý nhà nước về quản lý chất lượng không khí;

- Khuyến khích đầu tư cho nghiên cứu khoa học nhằm đổi mới, ứng dụng công nghệ tiên tiến, nâng cao năng suất và hiệu quả sử dụng nhiên liệu trong các ngành công nghiệp nhằm giảm thiểu phát sinh khí thải; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ về phòng ngừa, giảm thiểu, xử lý, quan trắc khí thải, sử dụng hiệu quả nhiên liệu;

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào việc giám sát chất lượng không khí xung quanh.

#### **4. Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường không khí:**

- Đẩy mạnh thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường không khí tại các công trường xây dựng, cơ sở công nghiệp, khai thác và chế biến khoáng sản, y tế và giao thông vận tải và các cơ sở có phát sinh nguồn khí thải;

- Tăng cường công tác kiểm định khí thải đối với các phương tiện giao thông đường bộ, đảm bảo các phương tiện tham gia giao thông đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường;

- Huy động sự tham gia của cộng đồng đối với việc giám sát khí thải phát sinh từ các cơ sở công nghiệp, năng lượng, giao thông, xây dựng và các nguồn khí thải khác.

#### **5. Phổ biến, tuyên truyền, giáo dục và nâng cao năng lực, nhận thức về quản lý chất lượng không khí:**

- Phổ biến, tuyên truyền cho các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và người dân về các nội dung của Quyết định số 985<sup>a</sup>/QĐ-TTg ngày 01/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ; các cơ chế, chính sách, pháp luật ban hành về quản lý chất lượng môi trường không khí;

- Công khai thông tin về chất lượng môi trường không khí xung quanh tại các đô thị, khu vực gây ô nhiễm không khí trên các phương tiện thông tin đại chúng;

- Tập huấn, phổ biến thường xuyên các kiến thức về quản lý chất lượng không khí, các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường không khí cho cán bộ quản lý môi trường các ngành, các cấp và các chủ cơ sở sản xuất;

- Xây dựng và thực hiện các kế hoạch truyền thông, phổ biến thông tin cho cộng đồng về tác hại của ô nhiễm không khí và lợi ích của việc sử dụng các phương tiện công cộng đối với môi trường không khí.

### **III. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN**

Danh mục các chương trình, nhiệm vụ ưu tiên thực hiện Kế hoạch ban hành kèm theo Phụ lục của Kế hoạch này.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Sở Tài nguyên và Môi trường:**

- Kiểm tra, thanh tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường các cơ sở phát sinh khí thải;

- Hướng dẫn về phòng ngừa, ứng phó và khắc phục tình trạng ô nhiễm không khí trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn các cơ sở có phát sinh nguồn khí thải lớn



lắp đặt và vận hành hệ thống truyền số liệu quan trắc khí thải tự động liên tục từ cơ sở sản xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường dữ liệu về khí thải công nghiệp từ các cơ sở có lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động theo đúng quy định;

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng không khí;

- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao năng lực, nhận thức về quản lý chất lượng không khí cho các đối tượng có liên quan.

## **2. Sở Công Thương:**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố tăng cường đảm bảo chất lượng nhiên liệu trong sản xuất, tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án “Phát triển nhiên liệu sinh học đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 177/2007/QĐ-TTg ngày 20/11/2007 và Quyết định số 53/2012/QĐ-TTg ngày 22/11/2012 về việc ban hành lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống dùng cho động cơ xăng và động cơ diesel của các phương tiện cơ giới đường bộ.

## **3. Sở Giao thông vận tải:**

- Triển khai có hiệu quả Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô, xe mô tô 2 bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới; đề xuất lộ trình thắt chặt mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe cơ giới đang lưu hành, xe cơ giới nhập khẩu qua sử dụng; xây dựng cơ chế chính sách quản lý phương tiện giao thông cơ giới lắp đặt động cơ điện;

- Từng bước thực hiện Đề án “Kiểm soát khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông tại các tỉnh, thành phố” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 909/QĐ-TTg ngày 17/6/2010, chú trọng vào kiểm soát khí thải mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông;

- Tăng cường kiểm soát các chất gây ô nhiễm trong khí thải từ các phương tiện giao thông; phổ biến các văn bản quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải đối với phương tiện giao thông cơ giới.

## **4. Sở Khoa học và Công nghệ:**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hỗ trợ nghiên cứu khoa học công nghệ về kiểm soát chất lượng không khí; tăng cường quản lý, nâng cao

chất lượng nhiên liệu; đầu tư nghiên cứu khoa học cho các hoạt động về quản lý chất lượng không khí; rà soát, xây dựng và công bố các tiêu chuẩn quốc gia về quản lý chất lượng.

#### **5. Sở Xây dựng:**

Bổ sung, sửa đổi và ban hành các quy định bảo vệ môi trường không khí trong hoạt động của ngành xây dựng, tập trung ngăn chặn ô nhiễm bụi.

#### **6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

Tăng cường thực hiện công tác quản lý nhà nước về kiểm soát ô nhiễm không khí với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc ngành, lĩnh vực do Sở quản lý.

#### **7. Sở Y tế:**

Thực hiện việc quan trắc các tác động đối với môi trường không khí từ hoạt động của ngành y tế; thực hiện các chương trình, dự án nghiên cứu ảnh hưởng ô nhiễm không khí tới sức khỏe; tăng cường kiểm soát ô nhiễm từ các lò đốt chất thải y tế.

#### **8. Sở Tài chính:**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành trình Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối bố trí vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác để thực hiện các nội dung của Kế hoạch này theo quy định của pháp luật về thuế, về ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

#### **9. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

Phối hợp với Sở Tài chính cân đối, bố trí vốn để triển khai Kế hoạch này theo quy định hiện hành.

#### **10. Sở Thông tin và Truyền thông:**

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tăng cường phổ biến thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về hiện trạng chất lượng môi trường không khí xung quanh, những tác động xấu đến sức khỏe, đặc biệt là tại đô thị và những khu vực có chất lượng môi trường không khí thấp.

#### **11. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố:**

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các ngành liên quan thực hiện Kế hoạch quản lý chất lượng không khí tại địa phương;

- Tăng cường kiểm tra, thanh tra việc tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở phát sinh khí thải;

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường không khí.

## 12. Các cơ sở sản xuất:

Tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật về kiểm soát ô nhiễm không khí từ hoạt động sản xuất; chủ động thực hiện nâng cao năng lực, cải tiến đổi mới quy trình, trang thiết bị sản xuất, thiết bị xử lý khí thải đảm bảo không gây ô nhiễm không khí; thực hiện thường xuyên việc quan trắc, giám sát khí thải;

Các cơ sở sản xuất ngành công nghiệp có nguồn khí thải lớn theo danh mục tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, phải đầu tư lắp đặt và vận hành thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo yêu cầu kỹ thuật và lộ trình quy định.

## 13. Chế độ báo cáo

Các sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện Kế hoạch, định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, được giao chủ trì, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15/12 hàng năm để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Yên Bái đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này, nếu có phát sinh vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung thì các đơn vị liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Khánh**



## PHỤ LỤC

### CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ ƯU TIÊN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH YÊN BÁI ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch 3422/KH-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Nội dung chương trình, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
Đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống truyền số liệu quan trắc khí thải tự động liên tục từ cơ sở sản xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường		Đến năm 2019
Đầu tư lắp đặt và vận hành thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục các cơ sở sản xuất có nguồn khí thải phát sinh lớn theo danh mục tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP	Cơ sở sản xuất	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ	Đến năm 2019
Đầu tư, thực hiện đổi mới quy trình, công nghệ sản xuất tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm hạn chế phát sinh khí thải	Cơ sở sản xuất	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố	Đến năm 2020
Đầu tư xây dựng, lắp đặt, vận hành hệ thống thiết bị xử lý khí thải phát sinh tại cơ sở sản xuất công nghiệp, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường không khí	Cơ sở sản xuất	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố	Đến năm 2018
Thực hiện việc kiểm kê khí thải bao gồm kiểm kê bụi PM <sub>10</sub> và PM <sub>2.5</sub>	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố liên quan	Đến năm 2020
Thực hiện Đề án “Kiểm soát khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông tại các tỉnh, thành phố” được	Sở Giao thông vận tải	Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và	Từ năm 2017 đến năm 2020

Nội dung chương trình, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 909/QĐ-TTg		thành phố	
Cân đối bố trí nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác để thực hiện các nội dung của Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách	Sở Tài chính	Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố	Từ năm 2017 đến năm 2020